TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-PT
Ngày 01- 8 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư
Bà Hồ Thị Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Duyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2017/QĐ-PTHN&GĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1946. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo*: Chị Huỳnh Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2016, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị N do quen biết tiến đến hôn nhân vào năm 1995, đến năm 1996 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M. Thời gian chung sống hạnh phúc gần 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do chị N ghen tuông cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên thường xuyên cự cãi với anh, chị N còn nói xấu làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và công việc làm ăn của anh, chị N cũng không quan tâm đến anh nên kéo dài hôn nhân sẽ không hạnh phúc. Khoảng thời gian 02 năm qua, anh và chị N sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn anh không có nhờ gia đình hai bên hoà giải mà tự giải quyết, anh cũng có khuyên nhủ chị N nhưng chị không nghe. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Minh T1, sinh năm 1996 đã trưởng thành và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2005, do cháu Y có nguyện vọng theo chị N, nên anh để cháu Y cho chị N nuôi, anh cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh và chị N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là Chị Huỳnh Thị N trình bày:

Về điều kiện và quá trình đăng ký kết hôn đúng như lời anh T trình bày. Chị và anh T có đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND xã M, huyện M. Chị và anh T chung sống hạnh phúc gần 20 năm, cách đây khoảng 02 năm anh T thường xuyên đi sớm về trễ, chị phát hiện anh T nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, chị hỏi thì anh T nói chỉ nhắn tin đùa giỡn chứ không có vấn đề gì. Sau đó chị theo dõi thì phát hiện anh có qua lại với người phụ nữ này, nên chị có gặp người phụ nữ đó để nói chuyện, có lần do thiếu kiềm chế nên chị có đánh người phụ nữ đó, vì chuyện này mà anh T đánh chị. Trong cuộc sống vợ chồng, chị không có lỗi lầm gì, luôn tròn bổn phận làm vợ, làm dâu trong gia đình chồng và làm mẹ của các con. Chị và anh T hiện nay vẫn sống chung nhà, hôn nhân không hạnh phúc là do anh T lạnh nhạt chứ chị không có lỗi. Chị mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị không đồng ý ly hôn vì còn thương anh T.

- Về con chung: Đúng như anh T trình bày, nếu Toà chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị đồng ý nuôi cháu Y, đồng ý việc anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu không thoả thuận được, chị sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy ý kiến cháu Nguyễn Thị Như Y vào ngày 18/01/2017 thì cháu Y đề nghị Toà án giải quyết không cho cha, mẹ cháu ly hôn, nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Do hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51,56,81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

Về hôn nhân*:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn T.

Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với Chị Huỳnh Thị N.

- Về con chung: cháu Nguyễn Minh T1, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Chị Huỳnh Thị N được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 22/3/2005, Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 02/2017, phương thức cấp dưỡng cấp định kỳ, mỗi tháng một lần.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T và chị N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19 tháng 02 năm 2017, Chị Huỳnh Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, chị không đồng ý ly hôn anh T với lý do còn thương anh T và mong muốn anh T suy nghĩ lại đoàn tụ gia đình lo tương lai hai con và cùng nuôi dưỡng bà nội già yếu năm nay đã 92 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của chị N; giữ nguyên bản án hôn nhân và

gia đình sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 14 tháng 2 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; người tiến hành tố tụng; người tham gia tố tụng đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T và Chị Huỳnh Thị N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 1996 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo diễn biến tại phiên tòa thì hai bên đều thừa nhận thời gian chung sống hạnh phúc là 20 năm, nguyên nhân anh T xin ly hôn chị N là do anh T có mối quan hệ không trong sáng với người phụ nữ khác nên giữa anh T và chị N mới phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc. Xét thấy hôn nhân giữa hai bên còn có thể khắc phục được, nên cần có thời gian cho hai bên suy nghĩ hàn gắn đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc con chung. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị N là không có căn cứ, kháng cáo của chị N xin đoàn tụ vợ chồng với anh T là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: Chấp nhận đơn kháng cáo của chị N; sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2017/DS-ST, ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M; không chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Nguyễn Văn T yêu cầu xin ly hôn Chị Huỳnh Thị N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào tranh tụng và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét kháng cáo của Chị Huỳnh Thị N; ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn T và Chị Huỳnh Thị N chung sống với nhau năm 1995 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 1996 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, hai bên đều thừa nhận thời gian chung sống hạnh phúc là 20 năm, sau đó thì mâu thuẫn nên anh T khởi kiện xin ly hôn chị N. Anh T cho rằng do chị N hay ghen tuông, nên chung sống không còn hạnh phúc, còn chị N cho rằng còn thương anh T, mâu thuẫn vợ chồng là do anh T quan hệ với người phụ nữ khác từ đó đối xử lạnh nhạt với nên chị không đồng ý ly hôn, chị mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với T.

[2] Qua xác minh tình trạng hôn nhân giữa hai bên thể hiện: Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2017 đối với Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970, địa

chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre, chị L cho biết: "*chị là chị ruột thứ 2 của anh T. Chị biết vợ chồng anh T, chị N sống chung có hạnh phúc, đầm ấm trên 20 năm. Khoảng hơn 02 năm gần đây thì anh T phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác tên là C, trú tại ấp 6, xã T. Sau đó, chị và gia đình anh T có đến nhà chị C đề nghị chị C chấm dứt mối quan hệ tình cảm với anh T vì chị N phát hiện chị C và anh T có nhắn tin lời lẽ yêu đương qua điện thoại. Chị C đã hứa hẹn trước mặt nhiều người sẽ chấm dứt việc qua lại với anh T nhưng thực tế giữa hai người vẫn tiếp tục quan hệ tình cảm. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không sửa đổi, chị thấy anh T thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Anh T thường xuyên vắng nhà, không lo kinh tế gia đình, chị N phải lo cho 02 con ăn học và nuôi bà nội, chị thấy chị N là người vợ đảm đang, gánh vác tốt, không có lỗi lầm gì với anh T và gia đình bên chồng. Chị và gia đình bên chồng chị N đều không ủng hộ những việc làm, hành vi, thái độ của anh T đối với chị N cũng như việc anh T xin ly hôn chị N. Do có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên anh T hắt hủi, lạnh nhạt và đối xử tệ bạc với chị N"*(**Bút lục 19)**. Ngoài ra, Ông Nguyễn Văn S (cha ruột anh T), anh Nguyễn Văn H (anh ruột anh T) và chị Nguyễn Thị L1 (chị ruột anh T) đều cho rằng chị N không có lỗi lầm gì đối với anh T và gia đình chồng, lo làm cho con ăn học, quan hệ lối xóm được bà con thương yêu, sống hòa đồng với gia đình chồng, đều đề nghị anh T hàn gắn đoàn tụ với chị N **(Bút lục 27-30).** Tại phiên tòa người làm chứng là Ông Nguyễn Văn S (cha ruột anh T) và Chị Nguyễn Thị L (chị ruột anh T) đều cho rằng do anh T có quan hệ tình cảm với chị C nên anh T mới xin ly hôn chị N.

Mặc dù tại phiên toà anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn với chị N, nhưng anh thừa nhận vẫn còn sống chung nhà với chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa anh chị không phải là gay gắt trầm trọng, đời sống chung còn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân còn khắc phục được, nên cần có thời gian cho hai bên suy nghĩ hàn gắn đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc con chung. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T về yêu cầu xin ly hôn với chị N là không có căn cứ, không phù hợp với những nội dung đã xác minh nêu trên để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án, kháng cáo của chị N để hai bên đoàn tụ vợ chồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M; không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Anh Nguyễn Văn T đối với Chị Huỳnh Thị N. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, nên Hội đồng xét xử không xem xét về con chung, tài sản chung và nợ chung giữa hai bên.

Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Chị Huỳnh Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hoàn lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007551 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của Chị Huỳnh Thị N.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2017/DS - ST ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Áp dụng các Điều 51và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Nguyễn Văn T về yêu cầu xin ly hôn Chị Huỳnh Thị N.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003453 ngày 22/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Chị Huỳnh Thị N là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007551 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Ngọt